

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN LUẬT DÂN SỰ 1

Mục đích

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

Nội dung hướng dẫn

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học. Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

Phần 2: Cách thức ôn tập. Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra. Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án. Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

Phần 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1: KHÁI QUÁT LUẬT DÂN SỰ

- Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự
- Nguồn của Luật Dân sự
- Các nguyên tắc của Luật Dân sự
- Cấu trúc của Luật Dân sự

Chương 2: CÁ NHÂN - CHỦ THỂ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

- Năng lực pháp luật; năng lực hành vi dân sự của cá nhân
- Mất năng lực hành vi; hạn chế năng lực hành vi
- Quyền nhân thân
- Người giám hộ, người được giám hộ
- Nơi cư trú của cá nhân

Chương 3: PHÁP NHÂN – HỘ GIA ĐÌNH – TỔ HỢP TÁC

- Điều kiện công nhận và trách nhiệm dân sự của pháp nhân
- Các yếu tố nhân thân của pháp nhân
- Tổ chức lại pháp nhân
- Các loại pháp nhân
- Hộ gia đình, đặc điểm, trách nhiệm dân sự
- Tổ hợp tác, đặc điểm, trách nhiệm dân sự

Chương 4: ĐẠI DIỆN – THỜI HẠN – THỜI HIỆU

- Khái niệm; các loại đại diện
- Nội dung quan hệ đại diện
- Chấm dứt đại diện
- Thời hạn và cách xác định thời hạn

- Thời hiệu, các loại thời hiệu; thời hiệu khởi kiện vụ án; thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

Chương 5: TÀI SẢN VÀ QUYỀN SỞ HỮU

- Các loại tài sản
- Chủ sở hữu và chịu rủi ro về tài sản
- Quyền chiếm hữu – Quyền sử dụng – Quyền định đoạt tài sản
- Sở hữu nhà nước – Sở hữu tập thể - Sở hữu tư nhân
- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung
- Căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu
- Bảo vệ quyền sở hữu

Chương 6: QUYỀN THỪA KẾ

- Một số quy định chung
- Thừa kế theo di chúc
- Thừa kế theo pháp luật

Phần 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chủ yếu là nghiên cứu các điều luật trong Bộ luật dân sự 2005 (viết tắt là BLDS)

Chương 1: KHÁI QUÁT LUẬT DÂN SỰ

- **Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự**
 - Đối tượng điều chỉnh gồm các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự
 - Phương pháp điều chỉnh: bình đẳng thỏa thuận, tự định đoạt
(đọc thêm Điều 1, 2 Bộ luật Dân sự 2005)
- **Nguồn của Luật Dân sự:** gồm văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp (đọc thêm Điều 3 Bộ luật Dân sự 2005)

Cần đọc và hiểu các nguyên tắc của Luật Dân sự từ Điều 4 đến Điều 13; lưu ý Điều 7, 8, 9 BLDS 2005

Chương 2: CÁ NHÂN - CHỦ THỂ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

- **Mỗi cá nhân phải được nhìn nhận, đánh giá xử sự trên hai mặt: năng lực pháp luật pháp luật và năng lực hành vi dân sự của cá nhân** (Nghiên cứu Điều 14 đến Điều 21)
- **Cần hiểu trong trường hợp nào thì cá nhân bị xem là “mất năng lực hành vi dân sự” hoặc bị “hạn chế năng lực hành vi dân sự”** (nghiên cứu Điều 22, 23)
- **Quyền nhân thân**

Cần biết cá nhân được hưởng những quyền nhân thân nào?

(Đọc nội dung Điều 24 đến Điều 51)

- **Người giám hộ, người được giám hộ**

Cần hiểu những vấn đề sau:

- Người được giám hộ gồm những người nào?
- Người giám hộ đương nhiên là những ai?
- Nghĩa vụ của người giám hộ?
- Trong trường hợp nào thì thay đổi người giám hộ, chấm dứt giám hộ?

(Nghiên cứu Điều 58, 60, 61, 62, 65, 66, 67, 68.)

Chương 3: PHÁP NHÂN – HỘ GIA ĐÌNH – TỔ HỢP TÁC

- **Điều kiện công nhận và trách nhiệm dân sự của pháp nhân**

Cần hiểu những vấn đề: các điều kiện để một tổ chức được công nhận là pháp nhân, đại diện pháp nhân và hiểu được phạm vi trách nhiệm dân sự của pháp nhân khi giao dịch với các chủ thể khác (Nghiên cứu Điều 84, 91, 93 BLDS).

- **Cần biết các loại pháp nhân theo quy định hiện hành:** (Đọc Điều 100, 101, 103 BLDS)
- **Hộ gia đình: Tìm hiểu đặc điểm, phạm vi trách nhiệm dân sự của Hộ gia đình** (Đọc Điều 106, 107, 110 BLDS)
- **Tổ hợp tác: Tìm hiểu đặc điểm, phạm vi trách nhiệm dân sự của Tổ hợp tác** (Đọc Điều 111, 117, 120 BLDS)

Chương 4: ĐẠI DIỆN – THỜI HẠN – THỜI HIỆU

- **Khái niệm; các loại đại diện**

Cần tìm hiểu các vấn đề sau:

- Quan hệ đại diện trong giao lưu dân sự là gì? (Điều 139)
- Chủ thể đại diện dưới hai hình thức: Đại diện theo pháp luật và Đại diện theo ủy quyền (Điều 140 đến 143)

- **Nội dung quan hệ đại diện**

Cần hiểu những vấn đề sau:

- Phạm vi đại diện (nội dung công việc, thời hạn đại diện)
- Giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện.
- Giao dịch do việc người đại diện vượt quá thẩm quyền.

(Nghiên cứu Điều 144, 145, 146)

- **Chấm dứt đại diện:** cần hiểu khi nào thì tư cách đại diện sẽ chấm dứt.

(Nghiên cứu Điều 147, 148)

- **Thời hiệu là gì, các loại thời hiệu; thời hiệu khởi kiện vụ án; thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự**

Cần tìm hiểu các loại thời hiệu; thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời điểm bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

(Nghiên cứu điều 154, 155, 156, 159, 162 BLDS)

Chương 5: TÀI SẢN VÀ QUYỀN SỞ HỮU

- **Các loại tài sản**

Cần biết là Bộ luật dân sự 2005 phân tài sản làm nhiều loại (Độc Điều 163, Điều 174 đến 181 BLDS)

- **Chủ sở hữu tài sản và chịu rủi ro về tài sản**

Chủ sở hữu là chủ thể có đủ 3 quyền năng đối với một tài sản: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và cần tìm hiểu sự liên hệ giữa các quyền năng này với nhau. Chủ sở hữu phải chịu các rủi ro về tài sản thuộc sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật quy định khác (nghiên cứu Điều 164 đến Điều 168 BLDS). Cần hiểu nguyên tắc bảo vệ quyền sở hữu (Điều 169 BLDS)

- **Quyền chiếm hữu – Quyền sử dụng – Quyền định đoạt tài sản**

Cần tìm hiểu những vấn đề sau:

- Như thế nào là chiếm hữu tài sản có căn cứ pháp luật và chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật? (Xem Điều 183, 187, 189, 190, 191)
- Khi nào thì một chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản?

(Xem Điều 193, 194)

- Khi nào thì một chủ thể có quyền định đoạt hợp pháp đối với tài sản?

(Xem Điều 197, 198)

- **Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung**

Cần đọc các quy định về sở hữu chung (Lưu ý Điều 218, 219 BLDS)

- **Căn cứ xác lập quyền sở hữu**

Cần tìm hiểu các vấn đề sau:

- Quyền sở hữu có thể xác lập do sáp nhập tài sản hoặc trong trường hợp chủ thể phát hiện tài sản không thuộc sở hữu của mình và báo cáo ngay với các cơ quan chức năng (nghiên cứu Điều 236, 239, 240, 241 BLDS)
- Quyền sở hữu có thể xác lập nếu chủ thể chiếm hữu tài sản ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 30 năm đối với bất động sản, trong thời hạn 10 năm đối với động sản (Điều 247 BLDS).

- Quyền sở hữu có thể được xác lập do thỏa thuận, thừa kế...

(Nghiên cứu Điều 234, 235, 245 BLDS)

- **Bảo vệ quyền sở hữu**

Cần nắm vững các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền đòi lại tài sản thuộc sở hữu của mình (nghiên cứu Điều 255 đến 258 BLDS)

Chương 6: QUYỀN THỪA KẾ

- **Một số quy định chung**

Cần tìm hiểu các vấn đề: Thời điểm; Địa điểm mở thừa kế; Người thừa kế; Nghĩa vụ người thừa kế; Từ chối nhận di sản; Người không được quyền hưởng di sản; Thời hiệu khởi kiện về thừa kế (nghiên cứu Điều 633, 635, 636, 637, 641, 642, 643, 644, 645)

- **Thừa kế theo di chúc theo BLDS 2005**

Cần hiểu các vấn đề sau:

- Ai được lập di chúc? (Điều 647)
- Hình thức của di chúc? Di chúc miệng có giá trị pháp lý không? Di chúc như thế nào là hợp pháp? Luật quy định như thế nào về di chúc bằng văn bản có người làm chứng? Hiệu lực pháp luật của một di chúc? Cá nhân nào được hưởng di sản mà không phụ thuộc nội dung di chúc? Di tặng là gì? (nghiên cứu Điều 649, 651, 652, 656, 667, 669, 671)

- **Thừa kế theo pháp luật**

Cần hiểu các vấn đề sau:

- Trường hợp nào thì được thừa kế theo pháp luật? (Điều 675)
- Thứ tự ưu tiên người thừa kế được hưởng di sản (Điều 676)
- Thừa kế thế vị là gì? (Điều 677)

Phần 3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

1. Hình thức thi và kết cấu đề

Đề thi được phát hành dưới hình thức tự luận với thời lượng làm bài thi là 90 phút không kể thời gian chép đề; kết cấu bởi ba phần:

- Phần 1: Yêu cầu học viên nhận định một “**quan điểm**” là đúng hay sai? Giải thích. Nêu cơ sở pháp lý. Phần này sẽ có 4 câu hỏi dành cho học viên, mỗi câu hỏi 1 điểm (tổng điểm của Phần 1 này là 4 điểm)
- Phần 2: Phần này có 1 hoặc 2 câu hỏi, hoặc nêu một sự kiện pháp lý đơn giản, yêu cầu học viên nêu kiến thức pháp lý, bao hàm nội dung các quy phạm pháp luật chủ yếu của Bộ luật Dân sự trong phạm vi kiến thức môn Luật dân sự 1, được vận dụng phổ biến trong thực tiễn pháp lý (tổng điểm của Phần 2 này là 2 điểm hoặc 3 điểm).
- Phần 3: là phần tình huống được giả định (hoặc từ một vụ kiện thực tế) liên quan trực tiếp đến nội dung ôn tập của học viên. Câu hỏi dành cho học viên trong tình huống này từ 2 đến 3 câu (tổng điểm của Phần 3 này là 3 điểm hoặc 4 điểm).

2. Hướng dẫn làm bài thi

Học viên cần thiết xem hướng dẫn cách thức làm bài thi như dưới đây:

- **Phần 1:** Học viên nên đọc qua một lượt 4 câu hỏi, để có lựa chọn câu nào là dễ nhất đối với mình cần phải tiến hành làm trước. Trong quá trình trả lời 4 câu hỏi, học viên lưu ý:

+ Đọc kỹ các mệnh đề, từ ngữ để hiểu được nội dung của “**quan điểm**” được nêu trong câu hỏi.

+ Cần liên tưởng ngay là kiến thức cần dùng để trả lời câu hỏi đang nằm ở trong Chương kiến thức nào của môn học và tra cứu ngay các quy phạm liên quan trong Bộ luật dân sự.

+ Học viên cần trả lời Đúng hoặc Sai; sau đó giải thích ngắn gọn lý do tại sao và nêu các điều luật là cơ sở pháp lý cho sự trả lời câu hỏi của mình.

+ Phần giải thích nên viết ngắn gọn theo ý mình, không được chép y nguyên từ điều luật (vì chép y nguyên sẽ không được hưởng điểm).

+ Học viên không chép bài của người khác, cũng như không để người khác chép bài (nếu phát hiện có chép bài sẽ không được tính điểm).

- **Phần 2:** Học viên trình bày phần lý thuyết, tức là trình bày những nội dung kiến thức liên quan có trong các quy phạm pháp luật trong Bộ luật dân sự phản ánh vấn đề pháp lý mà câu hỏi đưa ra. Nếu có ví dụ minh họa cho kiến thức thì rất tốt (nếu cho ví dụ phù hợp thì có thể được xem là hiểu lý thuyết).

- **Phần 3:** Đây là phần tình huống, yêu cầu học viên nhận định sự kiện pháp lý, vận dụng kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các vấn đề theo yêu cầu của đề thi. Trong Phần 3 này, học viên cần phải đọc kỹ các tình tiết trong tình huống để tránh nhầm lẫn trong việc áp dụng kiến thức pháp lý và cần viện dẫn Điều luật đã vận dụng trong tình huống.

Phần 4. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

1. Đề thi Mẫu:

Đề thi môn: Luật Dân sự 1

Thời gian làm bài 90 phút, SV được sử dụng tài liệu Giấy khi làm bài thi.

Câu 1 (4 điểm): *Những quan điểm sau đây đúng hay sai? Hãy giải thích ngắn gọn. Nêu cơ sở pháp lý.*

- a. Người phát hiện và nắm giữ tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là người chiếm hữu có căn cứ pháp luật.
- b. Một người chỉ có thể được một người giám hộ.
- c. Di sản chỉ được chia thừa kế theo pháp luật trong trường hợp người để lại di sản thừa kế không lập di chúc.
- d. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 10 năm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Câu 2 (2 điểm): Hãy phân biệt Đại diện theo pháp luật và Đại diện theo ủy quyền.

Câu 3 (4 điểm): A cho B là bạn cùng lớp mượn máy tính xách tay. B sử dụng máy thì bạn gái là C khen máy đẹp. Nghe thế, B tỏ ra hào hiệp tặng ngay máy tính cho C.

a. C sử dụng được ít hôm thì A phát hiện và kiện đòi C phải trả máy, nhưng C vẫn cứ tưởng là máy của B, nên không chịu trả. Hỏi: A có đòi lại máy từ C được không? Vì sao?

b. Giả sử: B sử dụng được một thời gian rồi bán máy đó cho D (là chủ một hiệu mua bán máy tính cũ gần nhà). Tình cờ A phát hiện máy ảnh của mình tại hiệu bán máy tính cũ nói trên, nên kiện người chủ hiệu để đòi lại máy. Hỏi: A có đòi được máy của mình không? Vì sao?

----- Hết đề thi -----

2. Đáp án Đề thi Mẫu:

Câu 1 (4 điểm): *Những nhận định sau đây đúng hay sai? Hãy giải thích ngắn gọn. Nêu cơ sở pháp lý.*

- a. Sai: Điều 241 BLDS 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- b. Sai: Khoản 4 Điều 58 BLDS 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- c. Sai: Điều 675 BLDS 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)
- d. Sai: Điều 645 BLDS 2005 và giải thích điều luật (1 điểm)

Câu 2 (2 điểm):

Phân biệt được nhờ các vấn đề pháp lý sau:

- + Khái niệm đại diện theo pháp luật, khái niệm đại diện theo ủy quyền (0,5đ).
- + Phạm vi đại diện (0,5đ)
- + Chủ thể là người đại diện (0,5đ)
- + Chấm dứt đại diện (0,5đ)

Câu 3 (4 điểm)

a. C phải trả lại máy cho A (0,5đ). C là người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình (0,5đ). C có tài sản này thông qua hợp đồng không có đền bù từ B (0,5đ). Căn cứ Điều 257 BLDS 2005 (0,5đ).

b. A không đòi lại máy được (0,5đ). D là người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình (0,5đ). D có được tài sản thông qua hợp đồng có đền bù với C (0,5đ). Căn cứ Điều 257 BLDS 2005 (0,5đ).

----- Hết đáp án -----